TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BÌNH CHÁNH** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **33**/2019/DS – ST
Ngày: 23/01/2019
V/v "hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH CHÁNH TP. HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Phạm Thị Kim Định**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Nguyễn Thị Nguyên**

2. Bà **Nguyễn Thị Thúy Oanh**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Thu** - Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh tham gia phiên tòa: Bà **Phan Mỹ Dung -** Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 01 năm 2019, tại phòng xử án của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 286/2018/TLST-DS ngày 06 tháng 06 năm 2018 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 544/2018/QĐXXST - DS ngày 25 tháng 12 năm 2018, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị Đ** , sinh năm: 1943.
Địa chỉ: xã B, huyện C, thành phố Hồ Chí Minh.
Người đại diện hợp pháp của bà Đ : Bà **Huỳnh Thanh Kim X**, sinh năm: 1976.
Địa chỉ:, xã B, huyện C, thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn:
1/ Bà **Nguyễn Thị Cẩm V**, sinh năm: 1971.
Địa chỉ: xã A, huyện C, thành phố Hồ Chí Minh.
Người đại diện hợp pháp của bà V: Bà **Phan Thị Kim N**, sinh năm: 1991.
Địa chỉ: xã A, huyện C, thành phố Hồ Chí Minh.
2/ Ông **Phan Văn S**, sinh năm: 1969.
Địa chỉ:, xã A, huyện C, thành phố Hồ Chí Minh.

(Bà X, bà N và ông S có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Đ có bà Huỳnh Thanh Kim X trình bày:

Do có mối quan hệ quen biết nên vào ngày 12/6/2016, bà Nguyễn Thị Cẩm V có vay của bà Nguyễn Thị Đsố tiền 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng) để làm ăn, đến ngày 20/10/2016 bà V lại vay tiếp 02 (hai) lượng vàng SJC để làm đám cưới cho con, do số tiền lần trước chưa trả cho bà Đ nên bà Đ không đồng ý cho vay, sau đó bà V cùng chồng là ông S có cam kết là ngay sau đám cưới con sẽ hoàn trả số tiền 30.000.000 đồng và 02 (hai) lượng vàng SJC mới vay cho bà Đ .

Tuy nhiên, sau đám cưới đã nhiều lần bà Đ yêu cầu bà V và ông S trả số tiền và vàng trên nhưng bà V và ông S không trả.

Nay bà X đại diện cho bà Đ yêu cầu bà V và ông S trả cho bà Đ số tiền 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng) và số tiền 74.000.000 đồng (bảy mươi bốn triệu đồng) (tương đương với 02 lượng vàng SJC). Tổng số tiền mà bà V và ông S phải trả là 104.000.000 đồng (một trăm lẻ bốn triệu đồng), trả làm một lần ngay khi bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật.

Bị đơn bà Nguyễn Thị Cẩm V có bà Phan Thị Kim N đại diện trình bày:

Giữa bà Nguyễn Thị Đvà bà Nguyễn Thị Cẩm V có quen biết nhau, có vay mượn tiền nhiều lần. Ngày 12/6/2016, bà Nguyễn Thị Cẩm V có vay của bà Nguyễn Thị Đ số tiền 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng), sau đó bà V có vay thêm 02 (hai) lượng vàng SJC.

Nay đối với yêu cầu khởi kiện của bà Đ thì bà V đồng ý trả nhưng do hoàn cảnh khó khăn nên xin được trả chậm hàng tháng 1.000.000 đồng (một triệu đồng) cho đến khi hết nợ.

Bị đơn ông Phan Văn S trình bày: Ông là chồng của bà Nguyễn Thị Cẩm V. Giữa bà V và bà Đ là hàng xóm quen biết nhau, bà Đ hay ghé gia đình ông chơi, việc vay mượn tiền giữa bà V và bà Đ thì ông có biết. Nay đối với yêu cầu của bà Đ yêu cầu ông trả số tiền 104.000.000 đồng (một trăm lẻ bốn triệu đồng) thì ông đồng ý nhưng do hoàn cảnh khó khăn nên xin được trả chậm hàng tháng 1.000.000 đồng (một triệu đồng) cho đến khi hết nợ.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh, thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và Nguyễn Thị Đ đối với bị đơn bà Nguyễn Thị Cẩm V và ông Phan Văn S.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Quan hệ tranh chấp giữa các đương sự là quan hệ tranh chấp "Hợp đồng vay tài sản", bị đơn là bà Nguyễn Thị Cẩm V và ông Phan Văn S có nơi cư trú ở tại huyện Bình Chánh. Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện Bình Chánh, thành phố Hồ Chí Minh.

Về các yêu cầu của các đương sự, Hội đồng xét xử xét thấy như sau:

[2] Căn cứ Giấy mượn tiền lập ngày 12 tháng 6 năm 2016 có chữ ký của bà Nguyễn Thị Cẩm V có cơ sở xác định giữa bà Nguyễn Thị Đvà bà Nguyễn Thị Cẩm V có giao kết hợp đồng vay tài sản với nhau. Theo giấy mượn tiền thì số tiền bà V vay của bà Đ là 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng) và 02 (hai) lượng vàng SJC, không thỏa thuận lãi suất, khi nào bà Đ cần lấy lại tiền thì báo cho bà V trước 01 tháng, đã nhiều lần bà Đ yêu cầu bà V trả lại số tiền trên nhưng bà V né tránh không trả. Nay bà Xuyến đại diện cho bà Đ yêu cầu bà V cùng chồng là ông S trả số nợ gốc 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng) và 74.000.000 đồng (bảy mươi bốn triệu đồng) tương đương 02 lượng vàng SJC và không yêu cầu tính lãi.

[3] Căn cứ vào Điều 471 Bộ luật dân sự năm 2005 quy định: "hợp đồng vay tài sản là sự thỏa thuận giữa các bên, theo đó bên cho vay giao tài sản cho bên vay, khi đến hạn trả, bên vay phải hoàn trả cho bên cho vay tài sản cùng loại theo đúng số lượng, chất lượng và chỉ phải trả lãi nếu có thỏa thuận hoặc pháp luật có quy định"

[4] Căn cứ vào Điều 477 Bộ luật dân sự năm 2005 quy định: "đối với hợp đồng vay không kỳ hạn và không có lãi thì bên cho vay có quyền đòi lại tài sản bất cứ lúc nào nhưng phải báo trước cho nhau một thời gian hợp lý".

Như vậy, bà Đ đã nhiều lần yêu cầu bà V và ông S trả số tiền trên nhưng bà V và ông S không trả là vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay.

[5] Đối với yêu cầu của bà Đ về việc yêu cầu bà V và ông S có trách nhiệm trả số tiền trên, Hội đồng xét xử xét thấy: Việc vay mượn tiền giữa bà Đ và bà V thì ông S có biết, số tiền vay này để phục vụ nhu cầu đời sống trong gia đình của bà V. Đồng thời ông S cũng đồng ý trả số nợ trên cho bà Đ . Do đó, bà V và ông S có trách nhiệm liên đới trả số tiền trên cho bà Đ là có cơ sở chấp nhận.

[6] Bà Phan Thị Kim N đại diện cho bà Nguyễn Thị Cẩm V xác nhận bà V có vay của bà Đ số tiền 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng) và 02 lượng vàng SJC, mỗi tháng bà V có trả lãi cho bà Đ nhưng việc trả lãi này không có giấy tờ chứng minh và khi trả không làm giấy giao nhận tiền.

Căn cứ vào khoản 1 và khoản 4 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 có quy định:

"Khoản 1: Đương sự có yêu cầu Tòa án bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu đó là có căn cứ và hợp pháp.

Khoản 4: Đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án".

Do đó lời khai nêu trên của bà N (đại diện bà V) là không có cơ sở và căn cứ để chấp nhận.

[7] Mặt khác, từ khi bà V làm giấy mượn tiền, cho đến nay theo lời trình bày của nguyên đơn thì bà V vẫn chưa thực hiện việc trả tiền như đã thỏa thuận là đã vi phạm nghĩa vụ giao kết. Bà Đ có quyền đòi lại tài sản của mình. Việc bị đơn vi phạm thỏa thuận trả lại tài sản vay cho nguyên đơn, đồng thời kéo dài thời gian trả nợ là gây thiệt hại cho phía nguyên đơn.

[8] Nay nguyên đơn bà Nguyễn Thị Đ yêu cầu bị đơn bà Nguyễn Thị Cẩm V và ông Phan Văn S phải trả số tiền nợ gốc là 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng) và số tiền 74.000.000 đồng (bảy mươi bốn triệu đồng) (tương đương với 02 lượng vàng SJC). Giá vàng SJC tại thời điểm xét xử là 36.350.000 đồng/ lượng. Như vậy tổng số tiền bà V và ông S phải trả là 30.000.000 đồng + 72.700.000 đồng = 102.700.000 đồng (một trăm lẻ hai triệu bảy trăm nghìn đồng), trả làm một lần ngay khi bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật. Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu của bà Nguyễn Thị Đlà có cở sở và phù hợp với quy định của pháp luật nên cần chấp nhận.

[9] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận, nên bị đơn phải chịu án phí theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015 và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 91, Điều 147 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 471, Điều 474, Điều 477 Bộ luật dân sự năm 2005;

Căn cứ Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Đ đối với bà Nguyễn Thị Cẩm V và ông Phan Văn S về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

Buộc bà Nguyễn Thị Cẩm V và ông Phan Văn S có trách nhiệm trả cho bà Nguyễn Thị Đ số tiền nợ gốc 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng) và số tiền 72.700.000 đồng (bảy mươi hai triệu bảy trăm nghìn đồng) (tương đương với 02

lượng vàng SJC). Tổng số tiền bà V và ông S phải trả cho bà Đ là 102.700.000 đồng (một trăm lẻ hai triệu bảy trăm nghìn đồng), trả làm một lần ngay khi bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật.

Các đương sự thực hiện việc giao và nhận tiền tại Chi cục thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Kể từ khi bà Nguyễn Thị Đ có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà Nguyễn Thị Cẩm V và ông Phan Văn S chưa thực hiện nghĩa vụ trả số tiền nói trên thì bà Nguyễn Thị Cẩm V và ông Phan Văn S phải chịu lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự: Bà Nguyễn Thị Cẩm V và ông Phan Văn S phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 5.135.000 đồng (năm triệu một trăm ba mươi lăm nghìn đồng).

Bà Nguyễn Thị Đlà người cao tuổi nên được miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND TP.HCM;
- VKSND H.BC;
- THADS H.BC;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

Phạm Thị Kim Định